TAND HUYỆN PHONG THỔ TỈNH LAI CHÂU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày 04-6-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Dương Thị Tuyết Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đèo Văn Vĩnh

2. Ông Lò Văn Chiên

- Thư ký phiên toà: Bà Lù Thị Xuân -Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Giàng Thị P, sinh năm 2001; Nơi cư trú: bản H, xã P, huyện P, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt có lý do.

2. Bị đơn: Ma A H, sinh năm 1995; Nơi cư trú: bản S, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam H1 - Cục C - Bộ C1; Địa chỉ: xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" cùng các lời khai có trong hồ sơ nguyên đơn chị Giàng Thị P trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ma A H đăng ký kết hôn ngày 23/02/2021 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do hai vợ chồng không hợp nhau, anh H thường xuyên đánh đập chị và chị

đã sống ly thân với anh H. Hiện nay anh H đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam H1 - Cục C - Bộ C1, trong thời gian anh H đi chấp hành án chị không đi thăm và động viên anh H. Gia đình chị đã trả lại tiền sính lễ cho gia đình anh H. Chị xét thấy không còn tình cảm, mâu thuẫn giữa chị và anh H đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng do không còn tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

2. Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Ma A Q, sinh ngày 07/9/2019. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị PLìa không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai anh Ma A H trình bày: Anh và chị P về chung sống với nhau từ năm 2018, đến ngày 23/02/2021 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, trên cơ sở tự nguyện. Thời gian anh chung sống với chị P không có mâu thuẫn gì nhưng đã không chung sống cùng nhau từ cuối năm 2020. Do anh vi phạm pháp luật, phải chấp hành án thời gian dài nên chị P xin ly hôn anh nhất trí. Về con chung, anh xác nhận có 01 con chung như chị P trình bày, hiện nay con chung đang ở với bố mẹ anh, chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh cấp dưỡng, anh nhất trí. Về tài sản chung, nợ chung anh và chị P không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Giàng Thị P và xem xét quyết định: Chị PLìa được ly hôn với anh H; giao con chung Ma A Q cho chị P nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung và chia tài sản chung, nợ chung do không yêu cầu nên không xem xét; miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Ma A H có nơi cư trú tại bản B, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Chị P có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị P và anh Ma A H đăng ký kết hôn ngày 23/02/2021 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa chị P và anh H hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh H là hợp pháp. Quá trình chung sống chị P và anh H hạnh phúc được khoảng thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống khiến cho tình cảm giữa hai vợ chồng không còn. Anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2020 và đến năm 2021 anh H phải đi chấp hành án tại Trại giam H1 - Cục C - Bộ C1. Chị P không còn quan tâm, yêu thương đối với anh H và anh H nhất trí ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy khoảng thời gian mâu thuẫn giữa chị P và anh H cũng đã kéo dài, giữa chị P và anh H không còn dành sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, chị P không thăm hỏi, động viên trong quá trình anh H đi chấp hành án. Như vậy, hôn nhân giữa chị P và anh H đã thực sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: có 01 con chung là Ma A Q, sinh ngày 09/7/2019. Chị PLìa có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Xét thấy hiện nay anh H đang đi chấp hành án và nhất trí giao con cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị P không yêu cầu anh H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Giàng Thị P là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị P được ly hôn với anh Ma A H.

2. Về con chung: Giao con chung Ma A Q, sinh ngày 07/9/2019 cho chị Giàng Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Anh Ma A H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Giàng Thị P không yêu cầu anh Ma A H cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Giàng Thị P và anh Ma A H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn Giàng Thị PLìa.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- Chi cục THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã Mù Sang, huyện Phong Thổ;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Tuyết Thanh